

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

NINH BÌNH, THÁNG 01 NĂM 2017

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		89.940.751.213	108.460.661.505
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	44.104.972.798	59.188.778.376
1. Tiền	111		3.104.972.798	2.188.778.376
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.000.000.000	57.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.863.887.555	38.534.272.846
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	612.608.320	560.855.560
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	32.032.595.563	33.311.714.392
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	8.581.493.167	8.024.512.389
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.655.347.013)	(3.655.347.013)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	292.537.518	292.537.518
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	7.428.497.081	6.764.945.931
1. Hàng tồn kho	141		7.428.497.081	6.764.945.931
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		543.393.779	3.972.664.352
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	260.906.166	812.714.625
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		282.487.613	3.159.949.727
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		838.755.322.785	847.014.145.295
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		514.741.395.224	222.100.003.977
1. TSCĐ hữu hình	221	V.10	514.711.928.583	221.958.992.902
- Nguyên giá	222		598.214.947.300	292.319.465.709
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.503.018.717)	(70.360.472.807)
3. TSCĐ vô hình	227	V.11	29.466.641	141.011.075
- Nguyên giá	228		597.722.270	597.722.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(568.255.629)	(456.711.195)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	35.317.799.346	35.317.799.346
- Nguyên giá	231		35.317.799.346	35.317.799.346
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		242.654.819.278	542.512.091.328
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	242.654.819.278	542.512.091.328
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.308.377.362	4.308.377.362
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	200.000.000	200.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	4.800.000.000	4.800.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(691.622.638)	(691.622.638)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		41.732.931.575	42.775.873.282
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	41.732.931.575	42.775.873.282
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		928.696.073.998	955.474.806.800

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ THUYẾT MINH	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	115.791.971.575	129.188.999.817
I. Nợ ngắn hạn	310	25.866.772.811	42.104.766.958
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 V.14	11.100.579.034	25.114.147.634
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 V.15	733.832.600	496.433.775
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313 V.16	774.598.871	736.028.998
4. Phải trả người lao động	314	2.797.348.467	2.919.764.467
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318 V.18	999.022.730	3.344.754.076
9. Phải trả ngắn hạn khác	319 V.17	9.461.391.109	9.493.638.008
II. Nợ dài hạn	330	89.925.198.764	87.084.232.859
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	89.925.198.764	87.084.232.859
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	812.904.102.423	826.285.806.983
I. Vốn chủ sở hữu	410 V.19	812.904.102.423	826.285.806.983
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	891.236.000.000	891.236.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	891.236.000.000	891.236.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(78.331.897.577)	(64.950.193.017)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(64.950.193.017)	(64.950.193.017)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(13.381.704.560)	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	928.696.073.998	955.474.806.800

Ninh Bình, ngày 16 tháng 01 năm 2017

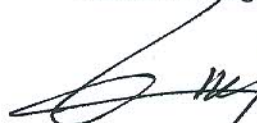
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Người lập biểu



Trịnh Văn Việt

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy

Tổng Giám đốc



Đào Phong Trúc Đại

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	46.586.272.592	41.558.696.702
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		46.586.272.592	41.558.696.702
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	49.383.285.496	38.801.819.973
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(2.797.012.904)	2.756.876.729
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.447.099.177	7.037.361.231
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	30.188.858	1.500.237
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	3.194.352.963	3.421.216.913
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	9.741.026.092	10.257.464.097
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(13.315.481.640)	(3.885.943.287)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	4.021.606.568	181.948.417
12. Chi phí khác	32	VI.6	4.087.829.488	138.257.172
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(66.222.920)	43.691.245
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(13.381.704.560)	(3.842.252.042)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(13.381.704.560)	(3.842.252.042)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(150)	(43)

Ninh Bình, ngày 16 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trịnh Văn Việt

Nguyễn Quang Huy

Đào Phong Trúc Đại

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(13.381.704.560)	(3.842.252.042)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		13.254.090.344	17.012.097.871
-	Các khoản dự phòng	03		-	
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			(924.434)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			(7.035.267.400)
-	Chi phí lãi vay	06		-	
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(127.614.216)	6.133.653.995
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.547.847.405	(2.457.194.654)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(663.551.150)	(890.172.740)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(13.397.028.242)	10.511.025.774
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.594.750.166	873.531.887
-	Tiền lãi vay đã trả	14		-	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.045.596.037)	14.170.844.262
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.038.209.541)	(103.531.504.700)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	102.000.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	7.035.267.400
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.038.209.541)	5.503.762.700
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(15.083.805.578)	19.674.606.962
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		59.188.778.376	39.513.246.980
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			924.434
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	44.104.972.798	59.188.778.376

Ninh Bình, ngày 16 tháng 01 năm 2017

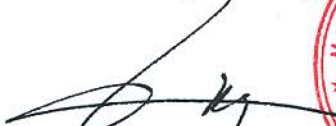
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Người lập biểu



Trịnh Văn Việt

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy

Tổng Giám đốc



Đào Phong Trúc Đại

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess (sau đây gọi tắt là "Công ty") tên viết tắt là PV-INCONESS., CORP được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102294528, chứng nhận lần đầu ngày 15/06/2007, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 9 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 20/09/2016 thì Vốn Điều lệ của Công ty là **891.236.000.000 VND** (Tám trăm chín mươi một tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu đồng chẵn./).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ sân Golf.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động của các cơ sở thể thao, chi tiết:
- + Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời;
- + Sân Golf; Dịch vụ sân golf đạt tiêu chuẩn quốc tế;
- Xây dựng các công trình công ích;
- Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác dầu thô; Khai thác khí đốt tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết:
- + Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- + Xây dựng các công trình công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ thực phẩm);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Khai thác quặng sắt;
- Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Đại lý xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ uống, chi tiết:
- + Bán buôn đồ uống có cồn;
- + Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết:
- + Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô;
- + Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- + Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết:
 - + Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng;
 - + Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;
 - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
 - Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết:
 - + Khách sạn;
 - + Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
 - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội nghị, đám cưới,...);
 - Cho thuê xe có động cơ; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
 - Điều hành tua du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
 - Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, chi tiết: Tổ chức, xúc tiến và quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức (hội nghị, hội thảo);
 - Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
 - Hoạt động tư vấn quản lý, chi tiết: Tư vấn quản lý, quản lý doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); Quảng cáo;
 - Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm, chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn và cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- (Đối với các ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Địa chỉ: Thôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: (+84-30) 377 6460

Fax: (+84-30) 377 3645.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Kinh doanh thương mại Khánh Dương, quyền biểu quyết, tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại công ty này là 100%.
- Danh sách công ty liên kết: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đồng Thái có trụ sở tại Thôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, tỷ lệ quyền biểu quyết, tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ phần sở hữu của Công ty tại công ty này là 48%.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn công ty liên kết***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Khoản đầu tư vào công ty con của Công ty là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Kinh doanh Thương mại Khánh Dương được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đồng Thái được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 Năm 2014 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ****6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 08

6.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Loại tài sản cố định****Thời gian khấu hao <năm>**

Phần mềm máy tính

03 - 10

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao bất động sản đầu tư***Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng hai lô đất xây dựng chung cư D1 và D3 thuộc dự án Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh B, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Do quyền sử dụng đất không có thời hạn, theo đó Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư này theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi đầu tư để hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) chưa hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Giá trị của các công trình xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình xây dựng nên chưa được quyết toán. Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, lợi thế thương mại, chi phí hoa hồng bán thẻ.

Chi phí công cụ dụng cụ có thời gian phân bổ từ 12 - 24 tháng.

Khoản giá trị lợi thế thương mại phát sinh khi Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ Doanh nghiệp và Tư vấn đầu tư (Inconess) góp vốn vào Công ty theo Nghị quyết số 01 ngày 28/01/2008 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư PV-INCONESS với thời gian phân bổ là 10 năm.

Chi phí hoa hồng bán thẻ Golf được phân bổ theo thời hạn của thẻ.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu bán thẻ Golf được ghi nhận theo số tiền mà khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán và đã xuất hoá đơn tài chính tại ngày thu tiền.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ: Thẻ, phí chơi golf, cho thuê xe tại sân, dịch vụ caddy, ăn uống, doanh thu bán hàng hóa trong sân golf và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là các khoản thu nhập từ việc xử lý các khoản Công nợ được Ban Tổng Giám đốc xác định không còn nghĩa vụ phải trả và các khoản thu nhập khác.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chênh lệch tỷ giá và chi phí tài chính khác.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**16.1 Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế tiêu thụ đặc biệt theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất 20% đối với dịch vụ chơi Golf.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền	3.104.972.798	2.188.778.376
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	<i>1.922.206.113</i>	<i>336.502.605</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>1.164.336.685</i>	<i>1.852.105.971</i>
VND	1.153.561.875	1.847.110.990
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương</i>	<i>6.050.352</i>	<i>6.006.209</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ninh Bình</i>	<i>1.147.511.523</i>	<i>1.841.104.781</i>
EUR + USD	10.774.810	4.994.981
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ninh Bình</i>	<i>4.802.275</i>	<i>4.994.981</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ninh Bình</i>	<i>5.972.535</i>	
<i>Tiền đang chuyển</i>	<i>18.430.000</i>	<i>169.800</i>
Các khoản tương đương tiền	41.000.000.000	57.000.000.000
VND	41.000.000.000	57.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ninh Bình</i>	<i>41.000.000.000</i>	<i>57.000.000.000</i>
Cộng	44.104.972.798	59.188.778.376

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Địa chỉ: Thôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	01/01/2016			31/12/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.000.000.000	4.308.377.362	691.622.638	5.000.000.000	4.308.377.362	691.622.638
- Đầu tư vào Công ty con	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000
Công ty TNHH XNK& KDTM Khánh Dương	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	4.800.000.000	4.308.377.362	491.622.638	4.800.000.000	4.308.377.362	491.622.638
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đồng Thái	4.800.000.000	4.308.377.362	491.622.638	4.800.000.000	4.308.377.362	491.622.638

Chi tiết khoản đầu tư

	01/01/2016	31/12/2016
- Công ty TNHH XNK& KDTM Khánh Dương		
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	100,00 %	100,00 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	100,00 %	100,00 %
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đồng Thái		
- Số lượng	480.000 Cổ phần	480.000 Cổ phần
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	48,00 %	48,00 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	48,00 %	48,00 %

Tóm tắt tình hình hoạt động: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Kinh doanh Thương mại Khánh Dương đang thực hiện thủ tục giải thể.

Tóm tắt tình hình hoạt động: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đồng Thái hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản và dịch vụ khác.

(i) Tại thời điểm 31/03/2016, do chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Xuất nhập khẩu và Kinh doanh thương mại Khánh Dương, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đồng Thái nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nói trên được Công ty ghi nhận bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng đã trích lập từ kỳ trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***3. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Ba sao Việt Nam		-	279.300.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		-	220.645.750	-
Công ty TNHH phát triển đầu tư và thương mại AIP	915.000	-	20.440.000	-
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát VISSAI	16.301.470	-	1.130.010	-
Các đối tượng khác	595.391.850	-	39.339.800	-
Cộng	612.608.320	-	560.855.560	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng & Thương mại Việt	17.051.296.160	-	17.051.296.160	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Việt Nam	6.419.600.000	-	6.419.600.000	-
Công ty Cổ phần Hợp tác sân golf Ouốc tế	6.129.383.422	-	6.129.383.422	-
Chi nhánh công ty CP dịch vụ đường sắt khu vực 1 tại Hà Nội	135.833.703	135.833.703	135.833.703	135.833.703
Các đối tượng khác	2.296.482.278	-	3.575.601.107	-
Cộng	32.032.595.563	135.833.703	33.311.714.392	135.833.703

5. Phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đơn vị tính: VND				
<i>Ngắn hạn</i>				
- Các khoản tạm ứng	260.000.099	-	512.216.638	-
- Ký cược, ký quỹ	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
- Phải thu khác	8.021.493.068	3.219.513.310	7.212.295.751	3.219.513.310
Vũ Thị Chuyên (i)	3.870.135.000	-	3.870.135.000	-
Dương Mạnh Hải (ii)	2.757.779.500	2.757.779.500	2.757.779.500	2.757.779.500
Các đối tượng khác	1.393.578.568	461.733.810	584.381.251	461.733.810
Cộng	8.581.493.167	3.519.513.310	8.024.512.389	3.519.513.310

(i) Phải thu Bà Vũ Thị Chuyên là khoản phải thu về việc chuyển nhượng 430.150 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess tại Công ty Cổ phần Du lịch quốc tế Đồng Thái cho Bà Vũ Thị Chuyên theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 28/12/2010, thời hạn thanh toán là 36 tháng. Tuy nhiên đến nay đã quá hạn nhưng bà Vũ Thị Chuyên vẫn chưa thanh toán.

(ii) Phải thu khác của ông Dương Mạnh Hải nguyên là chủ tịch hội đồng quản trị của công ty là khoản tiền tạm ứng cho Ông Hải để phục vụ kinh doanh, tuy nhiên từ khi nghỉ đến nay ông Dương Mạnh Hải vẫn chưa hoàn ứng lại cho Công ty.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Tài sản thiếu chờ xử lý

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng tồn kho sau kiểm kê	-	-	-	292.537.518
Cộng	-	-	-	292.537.518

7. Nợ xấu**8. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.677.510.995	-	4.728.919.530	-
Công cụ, dụng cụ	403.393.921	-	992.575.475	-
Hàng hoá	1.347.592.165	-	1.043.450.926	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	7.428.497.081	-	6.764.945.931	-

9. Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Dự án Sân Golf hồ Yên Thắng (giai đoạn 1)	97.903.482.499	244.242.121.050
Khu biệt thự 12 ha	48.122.046.949	48.674.380.276
Khu biệt thự Bến Thói	1.929.291.239	
Dự án Sân Golf hồ Yên Thắng (giai đoạn 2)	56.418.832.468	56.972.917.468
Dự án Khu du lịch sinh thái hồ Đồng Thái	37.672.470.549	37.651.001.987
Nhà câu lạc bộ		106.833.955.424
Tuyến đường nội bộ sân Hoàng Hậu		33.855.965.637
Cầu Cọ mới		8.591.744.651
Chi phí quản lý dự án		3.307.356.031
Hệ thống tường rào	179.623.536	68.605.052
Trạm xử lý nước	245.918.123	1.586.771.025
Trạm biến áp 630KVA-10(22)/0,4KV		727.272.727
Hạng mục sửa chữa, nâng cấp	183.153.915	
Cộng	242.654.819.278	542.512.091.328

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư ngày 01/01/2016	240.999.934.629	30.324.288.210	19.623.485.646	698.244.714	673.512.510	292.319.465.709
- Mua trong năm	-	1.239.000.000	-	300.205.000	85.797.200	1.625.002.200
- Đầu tư XDCB hoàn thành	315.105.925.565	-	-	-	-	315.105.925.565
- Tăng khác (i)	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(7.771.541.590)	(2.921.003.069)	(42.618.182)	(100.283.333)	(10.835.446.174)
- Giảm khác (i)	-	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2016	556.105.860.194	23.791.746.620	16.702.482.577	955.831.532	659.026.377	598.214.947.300
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2016	38.258.018.782	20.386.699.693	10.510.526.128	674.828.608	530.399.594	70.360.472.805
- Khấu hao trong năm	16.108.525.995	2.384.224.463	1.669.397.659	72.813.432	31.669.236	20.266.630.785
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5.532.992.679)	(1.501.466.203)	(42.618.182)	(47.007.810)	(7.124.084.874)
Số dư ngày 31/12/2016	54.366.544.777	17.237.931.477	10.678.457.584	705.023.858	515.061.020	83.503.018.716
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2016	202.741.915.847	9.937.588.517	9.112.959.518	23.416.106	143.112.916	221.958.992.904
- Tại ngày 31/12/2016	501.739.315.417	6.553.815.143	6.024.024.993	250.807.674	143.965.357	514.711.928.584

- Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.806.861.684 VND.

(i) Tăng khác, giảm khác là do phân loại lại giữa các nhóm tài sản

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND	
			Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư ngày 01/01/2016	597.722.270		597.722.270
Số dư ngày 31/12/2016	597.722.270		597.722.270
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2016	456.711.195		456.711.195
Khấu hao trong kỳ	111.544.434		111.544.434
Số dư ngày 31/12/2016	568.255.629		568.255.629
Giá trị còn lại			
- Tại ngày 01/01/2016	141.011.075		141.011.075
- Tại ngày 31/12/2016	29.466.641		29.466.641

Nguyên giá của TSVH bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 0 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 517.722.270 VND).

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2016
Nguyên giá	35.317.799.346	-	-	35.317.799.346
Quyền sử dụng đất (i)	35.317.799.346	-	-	35.317.799.346
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	35.317.799.346	-	-	35.317.799.346
Quyền sử dụng đất	35.317.799.346	-	-	35.317.799.346

(i) Giá trị quyền sử dụng hai lô đất xây chung cư D1 và D3 Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh B, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (tổng diện tích là 14.015 m²).

13. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	260.906.166	812.714.625
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	224.077.001	664.795.161
Chi phí trả trước ngắn hạn khác chờ phân bổ	36.829.165	147.919.464
b) Dài hạn	41.732.931.575	42.775.873.282
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.343.696.387	907.918.080
Lợi thế thương mại chờ phân bổ (i)	32.458.333.337	34.166.666.669
Hoa hồng bán thẻ Golf (ii)	7.458.508.964	7.526.192.239
Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ	472.392.887	175.096.294
Cộng	41.993.837.741	43.588.587.907

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

(i) Lợi thế thương mại phát sinh khi Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ Doanh nghiệp và Tư vấn đầu tư (Inconess) góp vốn vào Công ty theo Nghị quyết số 01 ngày 28/01/2008 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư PV-INCONESS. Lợi thế thương mại sẽ được phân bổ trong thời gian 10 năm kể từ ngày Công ty đưa công trình “Trung tâm liên hợp du lịch và thể thao sân Golf 54 lỗ hồ Yên Thắng - Ninh Bình” chính thức đi vào hoạt động.

(ii) Hoa hồng bán thẻ Golf phát sinh từ việc Công ty thanh toán theo tỷ lệ hoa hồng trên từng thẻ golf theo giá trị và thời gian của thẻ golf mà các cá nhân bán được, chi phí hoa hồng này được Công ty phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng của thẻ golf.

14. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & XD Việt Nam	4.667.847.680	4.667.847.680	18.671.389.360	18.671.389.360
Nicklaus Design, LLC	2.511.131.070	2.511.131.070	2.481.951.077	2.481.951.077
Các đối tượng khác	3.921.600.278	2.781.866.247	3.960.807.197	3.960.807.197
Cộng	11.100.579.028	9.960.844.997	25.114.147.634	25.114.147.634

15. Người mua trả tiền trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>		
Trung tâm thẻ - Vietinbank	450.000.000	345.383.775
Các đối tượng khác	283.832.600	151.050.000
Cộng	733.832.600	496.433.775

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2016
	Phải nộp			
Thuế GTGT hàng nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	689.022.362	6.663.966.997	6.619.168.766	733.820.593
Thuế thu nhập cá nhân (i)	47.006.636	171.055.543	177.283.901	40.778.278
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	111.587.366	111.587.366	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	736.028.998	6.949.609.906	6.911.040.033	774.598.871

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

17. Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	256.072.614	256.072.614
Kinh phí công đoàn	40.864.650	41.110.753
Bảo hiểm xã hội		26.140.130
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.164.453.845	9.170.314.511
<i>Trịnh Thị Oanh (ii)</i>	3.248.800.000	3.248.800.000
<i>Trịnh Văn Thủy (iii)</i>	1.500.000.000	1.500.000.000
<i>Đỗ Trọng Hưng (iv)</i>	3.900.000.000	3.900.000.000
Các đối tượng khác	515.653.845	521.514.511
Cộng	9.461.391.109	9.493.638.008

(i) Nhận góp vốn liên doanh theo hợp đồng số 01/2013/HĐKD/VTBC - PVIN ngày 27/12/2013. Ngày 29/7/2015 hai bên đã ký biên bản thanh lý hợp đồng. Hai bên thống nhất rằng toàn bộ khoản tiền hợp tác kinh doanh của Công ty TNHH MTV quản lý quỹ Vietinbank đã giải ngân được chuyển thành khoản thanh toán để thực hiện chuyển đổi vốn góp hợp tác thành vốn cổ phần.

(ii) Vay ngắn hạn Bà Trịnh Thị Oanh theo Hợp đồng vay ngắn hạn số 110303/PVIN-VNH ngày 03/03/2011 và phụ lục hợp đồng vay ngắn hạn ngày 01/04/2011. Tổng tiền vay là 3,456 tỷ đồng. Thời hạn vay 02 năm kể từ ngày bên vay nhận được khoản vay nhưng đến thời điểm báo cáo chưa gia hạn. Khoản vay không chịu lãi.

(iii) Vay ngắn hạn Ông Trịnh Văn Thủy theo Hợp đồng vay ngắn hạn số 110301/PVIN-VNH ngày 03/03/2011 và phụ lục hợp đồng vay ngắn hạn ngày 01/04/2011. Tổng tiền vay là 1,5 tỷ đồng 03/03/2011 và phụ lục hợp đồng vay ngắn hạn ngày 01/04/2011. Tổng tiền vay là 1,5 tỷ đồng. Thời hạn vay 02 năm kể từ ngày bên vay nhận được khoản vay, nhưng đến thời điểm báo cáo chưa gia hạn. Khoản vay không chịu lãi.

(iv) Là khoản vay theo biên bản cho vay ngày 26/02/2010, tổng tiền vay là 3,9 tỷ đồng, khoản vay này không chịu lãi.

18. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	999.022.730	3.344.754.076
Doanh thu bán thẻ Golf	999.022.730	3.344.754.076
b) Dài hạn	89.925.198.764	87.084.232.859
Doanh thu bán thẻ Golf	89.925.198.764	87.084.232.859
Cộng	90.924.221.494	90.428.986.935

19. Vốn chủ sở hữu

19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Đơn vị tính: VND
			Cộng
Số dư ngày 01/01/2015	691.236.000.000	(61.107.940.975)	630.128.059.025
Tăng vốn trong năm	200.000.000.000		

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Lỗ trong năm	-	(3.842.252.042)	(3.842.252.042)
Số dư ngày 01/01/2016	891.236.000.000	(64.950.193.017)	826.285.806.983
Lỗ trong năm	-	(13.381.704.560)	(13.381.704.560)
Số dư ngày 31/12/2016	891.236.000.000	(78.331.897.577)	812.904.102.423

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	5.001.490.000	5.001.490.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	457.500.000	457.500.000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Viettinbank	834.181.470.000	834.181.470.000
Công đoàn Vietinbank	23.320.080.000	23.320.080.000
Vốn góp của các Cổ đông khác	28.275.460.000	28.275.460.000
Cộng	891.236.000.000	891.236.000.000

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	891.236.000.000	691.236.000.000
Vốn góp tăng trong năm		200.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	891.236.000.000	891.236.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	89.123.600	89.123.600
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	89.123.600	89.123.600
Cổ phiếu phổ thông	89.123.600	89.123.600
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	89.123.600	89.123.600
Cổ phiếu phổ thông	89.123.600	89.123.600
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu	46.586.272.592	41.558.696.702
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.784.696.642	39.995.937.117
Doanh thu bán hàng hóa	4.801.575.950	1.562.759.585
Cộng	46.586.272.592	41.558.696.702

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	45.710.197.499	37.695.866.693
Giá vốn bán hàng hóa	3.673.087.997	1.105.953.280
Cộng	49.383.285.496	38.801.819.973

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.445.685.867	7.035.267.400
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.413.310	2.093.831
Cộng	2.447.099.177	7.037.361.231

4. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	30.188.858	
Lãi chậm nộp		1.500.237
Cộng	30.188.858	1.500.237

5. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	3.621.179.544	42.603.545
Xử lý các khoản công nợ không phải trả	415.827	108.981.236
Các khoản thu nhập khác	400.011.197	30.363.636
Cộng	4.021.606.568	181.948.417

6. Chi phí khác

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán, thanh lý	3.711.361.300	
Chi phí thanh lý tài sản cố định	18.181.818	
Khấu hao TSCĐ không phục vụ SXKD	322.379.642	
Tiền phạt chậm nộp thuế	27.009.700	4.876.531
Xử lý hàng tồn kho		57.855.961
Xử lý chênh lệch công nợ	2.635.525	581.739
Các khoản chi phí khác	6.261.503	74.942.941
Cộng	4.087.829.488	138.257.172

7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	9.741.026.092	10.257.464.097
Chi phí nhân viên quản lý	4.310.410.263	4.206.081.348
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	638.246.404	726.658.633
Chi phí đồ dùng văn phòng	167.037.357	110.376.937
Khấu hao tài sản cố định	894.869.327	1.111.922.837
Lợi thế thương mại	1.708.333.332	1.708.333.333
Thuế, phí, lệ phí	93.118.804	91.161.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	769.120.048	759.026.495
Chi phí bằng tiền khác	1.159.890.557	1.543.902.610
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	3.194.352.963	3.421.216.913
Chi phí nhân viên bán hàng	769.517.269	1.303.153.640
Chi phí vật liệu bao bì	319.503.211	203.333.981
Chi phí dụng cụ đồ dùng	406.667.985	532.261.745
Khấu hao tài sản cố định	314.413.064	281.082.376
Chi phí hoa hồng bán hàng	308.395.775	321.712.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	476.781.553	250.128.660
Chi phí bằng tiền khác	599.074.106	529.543.513
Cộng	12.935.379.055	13.678.681.010

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.170.153.898	9.597.140.463
Chi phí nhân công	18.829.328.485	18.699.114.433
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.947.316.941	15.626.068.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.856.276.168	3.388.872.682
Chi phí bằng tiền khác	3.888.476.709	4.201.044.040
Cộng	58.691.552.201	51.512.240.149

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	53.054.978.337	48.778.006.350
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	66.436.682.897	52.620.258.392
Chi phí không được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp	-	138.257.172
Chuyển lỗ theo kế hoạch	-	-
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.381.704.560)	(3.703.994.870)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

10. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.381.704.560)	(3.842.252.042)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(13.381.704.560)	(3.842.252.042)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	89.123.600	89.123.600
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(150)	(43)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

VIII. Những thông tin khác

3. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Ninh Bình, ngày 16 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Người lập biểu



Trịnh Văn Việt

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy



Tổng Giám đốc

Đào Phong Trúc Đại